

PHỤ LỤC 1

BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số

/STC-TCHCSN ngày

/01/2021 của Sở Tài chính Bình Định

TT	Đơn vị	Số lượng đơn vị khoán	Biên chế được giao	Có mặt		Tiết kiệm được	Ng.nhân giảm BC			Kinh phí được giao (triệu đồng)										Phân phối sử dụng thu nhập tăng thêm				Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân (3)						Tổng quỹ tiền lương theo quy định (triệu đồng)			
				Biên chế	HD 68		Hưu, nghỉ theo chế độ	Nghỉ do sắp xếp	Nguyên nhân khác	Tổng số dự toán được giao cả năm (1)	Tổng số khấu trừ không cấp cho đơn vị	Tổng số dự toán giao còn lại cấp cho đơn vị	Trong đó								Chi tăng thu nhập cho CBCC	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất (Đ/thg)	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất (Đ/thg)	Trích các quỹ	Dưới 0,1 lần	Từ 0,10 đến 0,20 lần	Từ 0,20 đến 0,30 lần	Từ 0,30 đến 0,40 lần	Từ 0,40 đến 0,50 lần		Từ 0,50 đến dưới 1 lần		
													Không tự chủ (2)	Tự chủ	Trong đó				TK quỹ lương	TK khoản khác												Kinh phí còn lại tại KBNN	Tỉ lệ % TK năm so với DT tự chủ
															Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm được	Nguyên nhân																
1	2	3	4	5		6	7	8	9	10	11	12=10-11	13	14	15	16=19+22			17	18=(16/14)*100	19.00	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29		
	TỔNG SỐ																																
	1 Sở Y tế																																
	1.1 Văn phòng Sở Y tế																																
	1.2 Chi cục DS-KHHGĐ																																
	1.3 Chi cục ATVSTP																																
	2 Sở Công thương																																
	VP Sở Công thương																																
	3 Sở Nông nghiệp và PTNT																																
	3.1 -Văn phòng Sở																																
	3.2 -Chi cục Trồng trọt và BVTV																																
	3.3 -Chi cục Chăn nuôi và Thú y																																
	3.4 -Chi cục phát triển NT																																
	3.5 -Chi cục Thủy lợi																																
	3.6 -Chi cục Thủy sản																																
	3.7 -Chi cục QLCL NLS & TS																																
	3.8 -Văn phòng điều phối NTM																																
	3.9 -Chi cục Kiểm lâm																																
	4 Sở Giáo dục và Đào tạo																																
	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo																																
	5 thao																																
	Văn phòng Sở VHTTDL																																
	6 Ban Quản lý Khu kinh tế																																
	Văn phòng Ban Quản lý KKT																																
	7 Sở Lao động TB&XH																																
	Văn phòng Sở LD-TBXH																																
	8 Sở Khoa học và công nghệ																																
	8.1 Văn phòng Sở																																

[illegible]

Ghi chú:

- (1) Bao gồm cả số dự toán năm trước chuyển sang
- (2) Bao gồm cả 10% kinh phí Tiết kiệm để lại tại đơn vị tạo nguồn cải cách tiền lương và kinh phí cải cách tiền lương được bổ sung trong năm
- (3) Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân = Chi tăng thu nhập cho CBCC/Tổng quỹ tiền lương theo quy định